

**BỘ NGOẠI GIAO
CỤC NGOẠI VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **214** /CNV-VP

V/v thực hiện Kết luận 12 và
Kế hoạch 01

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2021

Kính gửi:

- Sở Ngoại vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng UBND các tỉnh: Bắc Cạn, Bến Tre, Bình Thuận, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Hậu Giang, Nam Định, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Yên, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Lâm Đồng, Yên Bái, Hòa Bình, Thái Bình.

Ngày 12/8/2021, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 12-KL/TW (Kết luận 12) về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới. Nhằm triển khai thực hiện, Ban cán sự Đảng Bộ Ngoại giao đã ban hành Kế hoạch số 01-KH/BCSD-UBNV (Kế hoạch 01) ngày 05/10/2021 quán triệt, tuyên truyền và triển khai Kết luận 12. Cục Ngoại vụ trân trọng gửi Quý Đơn vị toàn văn Kết luận 12 và Kế hoạch 01 (*kèm theo*) để triển khai thực hiện.

Cục Ngoại vụ trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBNV (V2);
- Lưu: HC, CNV.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**


Nguyễn Đồng Trung

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Số 12-KL/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

BCS ĐẢNG BỘ NGOẠI GIAO	
ĐẾN	Số:.....730.....
	Ngày:.....11/8/2021.....

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới

Sau hơn 5 năm thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị khoá IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45); cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đến nay có khoảng 5,3 triệu người sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó, hơn 80% là ở các nước phát triển; đại bộ phận đồng bào đã có địa vị pháp lý và cuộc sống ổn định, hội nhập sâu rộng vào xã hội sở tại. Dù ở bất cứ nơi đâu, đồng bào ta vẫn luôn hướng về Tổ quốc, gắn bó máu thịt với cội nguồn dân tộc, là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam; là nguồn lực quan trọng đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Với cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, niềm tin của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cũng ngày càng được củng cố.

Những chuyển biến này là nhờ sự nỗ lực của chính cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với tấm lòng luôn hướng về quê hương, đất nước; sự vào cuộc tích cực của hệ thống chính trị và nhân dân cả nước. Tuy nhiên, công tác người Việt Nam ở nước ngoài còn một số hạn chế. Có nơi, có lúc công tác người Việt Nam ở nước ngoài chưa được các cơ quan, tổ chức quan tâm đúng mức; công tác nắm tình hình cộng đồng, tham mưu, kiến nghị và phối hợp triển khai chủ trương, chính sách chưa sâu sát, chặt chẽ và kịp thời; chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của đồng bào ta ở nước ngoài.

Để thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, thời gian tới, công tác người Việt Nam ở nước ngoài cần tiếp tục được triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn, qua đó phát huy nguồn lực to lớn, tinh thần yêu nước của đồng bào ta ở nước ngoài hướng về quê hương, đất nước; nhận thức và hành động đúng đắn, phù hợp với lợi ích

quốc gia - dân tộc; đồng thời, thể hiện rõ hơn tình cảm và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước trong việc chăm lo cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Để tiếp tục thực hiện tốt, hiệu quả hơn Nghị quyết 36, Chỉ thị 45 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện có hiệu quả chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào Việt Nam ở nước ngoài. Đổi mới, đa dạng hoá các hình thức, linh hoạt trong triển khai vận động người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là thế hệ trẻ, gắn bó với quê hương, đóng góp tích cực vào sự phát triển của nước sở tại, trở thành cầu nối, góp phần thúc đẩy quan hệ tốt đẹp giữa Việt Nam với các nước. Kiên trì vận động những kiều bào còn có định kiến để củng cố niềm tin, yên tâm hướng về Tổ quốc, nhận thức và hành động phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc. Tiếp tục coi trọng, quan tâm hỗ trợ và phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt, những người có uy tín, ảnh hưởng trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, phù hợp với pháp luật của nước sở tại và pháp luật Việt Nam; kịp thời tôn vinh, động viên, khích lệ người Việt Nam ở nước ngoài có đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng của nước sở tại, triển khai các biện pháp tổng thể chăm lo, hỗ trợ đồng bào, nhất là ở những địa bàn khó khăn để đồng bào có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, tuân thủ pháp luật và hội nhập thuận lợi vào xã hội sở tại. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh... Tăng cường lực lượng, biện pháp và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp, an ninh, phòng, chống tội phạm, ngăn chặn hiệu quả nạn buôn người, xuất nhập cảnh, cư trú trái phép, qua đó hỗ trợ bảo đảm an ninh trong cộng đồng; xử lý triệt để, đẩy lùi tình trạng người Việt Nam vi phạm pháp luật nước sở tại.

3. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khuyến khích và tạo điều kiện để đồng bào Việt Nam ở nước ngoài đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành chính và triển khai đồng bộ các chính sách liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài khi về nước làm việc, thường trú; tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài về nước đầu tư, sản xuất, kinh doanh... Giải quyết nhu cầu chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài liên quan đến quốc tịch phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và tinh thần của

Nghị quyết 36. Hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý, phản hồi, vận dụng và phát huy hiệu quả các sáng kiến, ý kiến đóng góp của các chuyên gia, đội ngũ trí thức, cộng đồng doanh nhân Việt Nam ở nước ngoài.

4. Đa dạng hoá các hoạt động hỗ trợ đồng bào Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Chú trọng hợp tác với nước sở tại, đổi mới, nâng cao hiệu quả, phương thức tổ chức dạy và học tiếng Việt; tập trung thúc đẩy đưa tiếng Việt vào chương trình giảng dạy ở các cơ sở giáo dục tại địa bàn có đông người Việt Nam sinh sống; nghiên cứu đầu tư, xây dựng trung tâm văn hoá của người Việt tại các địa bàn này. Nghiên cứu lựa chọn Ngày tôn vinh tiếng Việt hằng năm để khuyến khích, cổ vũ đồng bào, nhất là thế hệ trẻ học tập và giữ gìn tiếng Việt.

5. Đổi mới nội dung, phương thức và tư duy về công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại. Kịp thời thông tin về tình hình đất nước và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta. Phát huy hiệu quả các phương tiện truyền thông đa dạng của cộng đồng; hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp, phản ứng nhanh, kịp thời phản bác những luận điệu sai trái, không đúng sự thật về tình hình đất nước.

6. Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng tham gia công tác người Việt Nam ở nước ngoài; kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác người Việt Nam ở nước ngoài; giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức và người lao động tham gia công tác người Việt Nam ở nước ngoài có đủ bản lĩnh, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tâm huyết. Trong đó, chú trọng các bộ phận làm việc trực tiếp tại nước sở tại theo hướng sâu sát, thực chất, hiệu quả, kịp thời đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cộng đồng người Việt Nam ở nước sở tại. Ngăn chặn và phòng ngừa việc lợi dụng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với công tác người Việt Nam ở nước ngoài để trục lợi, chống phá đất nước, ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích quốc gia - dân tộc.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ, trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết 36, Chỉ thị 45 và Kết luận này; phổ biến, quán triệt đến cán bộ, đảng viên, nhân dân và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài để tạo sự thống nhất cả

về nhận thức và hành động; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc thực hiện và giám sát thực hiện pháp luật liên quan tới người Việt Nam ở nước ngoài.

- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện; triển khai các hoạt động, phong trào và giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện phù hợp với điều lệ, chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương, Đảng đoàn Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các cơ quan liên quan chỉ đạo công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại kết hợp với đấu tranh dư luận về công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

- Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan và các cấp uỷ địa phương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết 36, Chỉ thị 45 và Kết luận này.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ.
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương.
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương.
- Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng.
- Văn phòng Chủ tịch nước.
- Văn phòng Chính phủ.
- Văn phòng Quốc hội.
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Võ Văn Thường

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2015

LY HAN NG SAI HENG
SỐ 435 T/W
CỘNG HÒA ĐẾN
Số 672 Ngày 28/5
Người xử lý
Lưu hồ sơ

Số...672... Ngày...28/5.....

Người xử lý.....

Lưu hồ sơ.....

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

BCS ĐẢNG BỘ NGOẠI GIAO

SO: 4625.....

Ngày: 28/5/15

về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW
của Bộ Chính trị khoá IX về công tác đối với người Việt Nam
ở nước ngoài trong tình hình mới

Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 26-3-2004 của Bộ Chính trị (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 36), công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều tiến bộ và đạt nhiều kết quả quan trọng. Đã góp phần tích cực vào việc tăng cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; cổ vũ, động viên người Việt Nam ở nước ngoài nâng cao ý thức tự hào dân tộc, lòng yêu nước, gắn bó với quê hương đất nước, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, vươn lên trong cuộc sống, hội nhập vào nước sở tại.

Đến nay, một bộ phận lớn bà con đã có địa vị pháp lý, ổn định cuộc sống, hội nhập vào xã hội nơi họ đang sống và làm việc. Tiếng Việt được sử dụng là ngôn ngữ chính của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài song hành cùng tiếng nói của nước sở tại. Bản sắc văn hoá, truyền thống dân tộc Việt Nam được bảo tồn và truyền lại cho các thế hệ tiếp theo. Vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài ngày càng nâng cao, thực sự là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là cầu nối quan hệ hữu nghị giữa nước ta với các nước sở tại, đồng thời góp phần tích cực xây dựng quê hương, đất nước.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết 36 thời gian qua còn một số hạn chế, bất cập. Việc ban hành và thực hiện một số cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài bảo tồn, phát huy bản sắc, truyền thống văn hoá của dân tộc và góp phần xây dựng đất nước còn chậm, chưa đồng bộ, kết quả còn hạn chế. Một bộ phận người Việt Nam ở nước ngoài chưa có địa vị pháp lý ổn định. Một số bà con vẫn còn giữ thái độ định kiến, mặc cảm; một số ít người còn có tư tưởng, hành động không phù hợp với lợi ích dân tộc.

Những hạn chế, bất cập trên, chủ yếu là do một số cơ quan Trung ương và địa phương nhận thức chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc, thống nhất về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; các cơ quan trực tiếp làm công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài phối hợp chưa chặt chẽ, còn chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; bộ máy tổ chức, cán bộ và kinh phí cho công tác này chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trong quá trình nước ta hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài sẽ tiếp tục gia tăng cả về số lượng và địa bàn cư trú, có cuộc sống ngày càng ổn định, có tiềm lực về tri thức và kinh tế, có vị trí và ảnh hưởng trong xã hội nước sở tại. Tình hình quốc tế, trong nước và những yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời gian tới đòi hỏi công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần được tăng cường, hỗ trợ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tiếp tục phát triển vững mạnh, nâng cao uy tín, tham gia tích cực vào việc tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước sở tại, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, bất cập, Bộ Chính trị yêu cầu cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp cần tiếp tục thực hiện có hiệu quả những chủ trương, phương hướng công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã nêu trong Nghị quyết 36; đồng thời, tập trung thực hiện thật tốt những nội dung trọng tâm sau:

1- Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần tiếp tục thể hiện đầy đủ và phát huy tốt truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc. Cơ sở của sự đoàn kết là ý thức dân tộc và lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và mục tiêu chung của mọi người Việt Nam là xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; làm cho dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung...; xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai; xoá bỏ mặc cảm, định kiến; chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; mọi người Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội; lý do ra nước ngoài, mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu trên đều được tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2- Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tăng cường hơn nữa sự gắn bó của người Việt Nam ở nước ngoài với đất nước. Mọi người Việt Nam ở nước ngoài đều được khuyến khích; tạo điều kiện trở về thăm quê hương, đầu tư sản xuất kinh doanh, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Tiếp tục quan tâm, sớm có giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trên tinh thần cởi mở, chân thành, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai. Kiên trì vận động, thuyết phục những người còn giữ định kiến, mặc cảm.

3- Người Việt Nam ở nước ngoài là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Ủng hộ và khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài tôn trọng pháp luật và hội nhập

cho người Việt Nam sinh sống lâu dài ở nơi cư trú. Nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh, người Việt Nam kết hôn với người nước ngoài.

4- Tiếp tục thể chế hoá các chủ trương, phương hướng và nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết 36; đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tháo gỡ vướng mắc, tạo thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài khi về Việt Nam sinh sống và làm ăn; sớm cấp lại quốc tịch cho những người có đủ điều kiện; tạo thuận lợi hơn nữa trong việc sở hữu nhà ở tại Việt Nam; đơn giản hoá thủ tục xuất nhập cảnh, đầu tư, chuyển, nhận và sử dụng kiều hối. Thường xuyên tổ chức cho người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp ý kiến và tham gia vào các sự kiện chính trị - xã hội lớn của đất nước.

5- Rà soát, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật tạo hành lang pháp lý thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài về đầu tư, sản xuất kinh doanh, góp phần vào thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ từ các nước vào Việt Nam và thúc đẩy xuất khẩu, hỗ trợ đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài. Có chính sách thu hút, sử dụng chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực thiết yếu, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6- Đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc; hỗ trợ dạy và học tiếng Việt hiệu quả, sớm triển khai chương trình dạy tiếng Việt qua mạng phù hợp với từng địa bàn; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu văn hoá, tinh thần của bà con theo truyền thống dân tộc và phù hợp với đặc thù, pháp luật của nước sở tại.

7- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đối ngoại bằng nhiều hình thức phù hợp (các kênh phát thanh, truyền hình phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài, phát thanh, truyền hình đối ngoại, truyền hình qua mạng IPTV hoặc hệ thống truyền hình của nước sở tại...). Tranh thủ, phát huy các phương tiện truyền thông của cộng đồng nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho người Việt Nam ở nước ngoài về tình hình đất nước và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta. Thông qua người Việt Nam ở nước ngoài, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền và vận động bạn bè quốc tế.

8- Đa dạng hoá và nâng cao hiệu quả các hình thức tập hợp, vận động người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là thế hệ trẻ; mở rộng vận động, tiếp xúc những cá nhân có uy tín, ảnh hưởng lớn trong cộng đồng. Nghiên cứu xây dựng chính sách, hỗ trợ các tổ chức hội đoàn, lực lượng nòng cốt trong cộng đồng; nghiên cứu thí điểm công nhận các chi hội người Việt Nam ở nước ngoài là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các tổ

chức hữu nghị Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam... Đẩy mạnh công tác khen thưởng người Việt Nam ở nước ngoài có công với đất nước và công tác cộng đồng.

9- Kiện toàn bộ máy tổ chức làm công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài; tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ; đổi mới phương thức hoạt động và cơ chế phối hợp triển khai công tác về người Việt Nam ở nước ngoài từ Trung ương đến địa phương theo nguyên tắc thu gọn đầu mối, rõ ràng, rành mạch về chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, không làm tăng biên chế. Kiện toàn bộ máy Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng chuyên sâu, làm tốt vai trò cơ quan tham mưu, thống nhất quản lý công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

10- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, xây dựng mới các văn bản pháp luật và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài.

Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo ban hành và tổ chức thực hiện "Chương trình hành động về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2015 - 2020".

Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy các đơn vị sự nghiệp Trung ương và cấp ủy trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức phổ biến, quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị.

Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Đảng ủy Ngoại nước, Ban Đối ngoại Trung ương và các ban, ngành, đoàn thể liên quan và các cấp ủy địa phương tổ chức phổ biến Chỉ thị này đến cán bộ, đảng viên, nhân dân và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; chịu trách nhiệm giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị.

Chỉ thị này được phổ biến, quán triệt đến chi bộ để thực hiện.

Nơi nhận :

- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

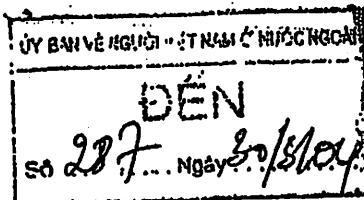


BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

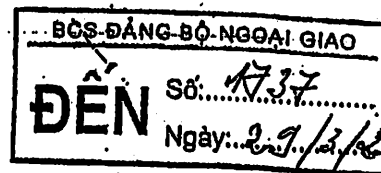
Số 36-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2004



NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ



về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài

I. TÌNH HÌNH VÀ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỜI GIAN QUA

1- Hiện nay có khoảng 2,7 triệu người Việt Nam đang sinh sống ở gần 90 nước và vùng lãnh thổ, trong đó hơn 80% ở các nước công nghiệp phát triển, phần đông bà con ngày càng ổn định cuộc sống và hoà nhập vào xã hội nơi cư trú, có vị trí nhất định trong đời sống kinh tế, chính trị - xã hội ở nước sở tại, có tác động ở mức độ khác nhau tới mối quan hệ giữa các nước đó với Việt Nam. Bên cạnh đó, trong những năm qua hàng trăm nghìn người Việt Nam đã ra nước ngoài lao động, học tập, tu nghiệp, đoàn tụ gia đình, hình thành các cộng đồng người Việt Nam tại một số địa bàn mới.

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có tiềm lực kinh tế nhất định, có mối quan hệ với nhiều doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nước ngoài và quốc tế, có khả năng tìm kiếm đối tác và làm cầu nối với các doanh nghiệp, tổ chức trong nước. Nhiều trí thức có trình độ học vấn và chuyên môn cao; một số người giữ vị trí quan trọng trong các cơ quan, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các công ty và tổ chức quốc tế, có khả năng tạo dựng quan hệ với các cơ sở kinh tế, khoa học ở nước sở tại.

Mặc dù sống xa Tổ quốc, đồng bào luôn nuôi dưỡng, phát huy tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống văn hoá và hướng về cội nguồn, dòng tộc, gắn bó với gia đình, quê hương. Nhiều người đã có những đóng góp về tinh thần, vật chất và cả xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Thành tựu to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội và không ngừng nâng cao vị thế quốc tế của đất nước càng củng cố thêm niềm tự hào

dân tộc và tinh thần yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Đồng đảo bà con hoan nghênh công cuộc đổi mới và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Nhà nước, mong muốn đất nước cường thịnh, sánh vai với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; nhiều người đã về thăm gia đình, quê hương, tham gia các hoạt động đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học, công nghệ, giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, thể thao, nhân đạo, từ thiện... Tình hình trên là xu thế chủ yếu trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

Tuy nhiên, người Việt Nam ở một số nước còn khó khăn trong việc ổn định cuộc sống, chưa được hưởng quy chế rõ ràng, thậm chí ở một số nơi còn bị kỳ thị. Một bộ phận đông đảo do chưa có dịp về thăm đất nước để tận mắt thấy được những thành tựu của công cuộc đổi mới hoặc do thành kiến, mặc cảm, nên chưa hiểu đúng về tình hình đất nước. Một số ít người đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc, ra sức chống phá đất nước, phá hoại mối quan hệ hợp tác giữa nước sở tại với Việt Nam. Tính liên kết cộng đồng, sự gắn bó giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng chưa cao. Còn thiếu các biện pháp duy trì, phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc; việc giữ gìn tiếng Việt và bản sắc dân tộc trong thế hệ trẻ còn khó khăn. Nhu cầu giao lưu văn hoá giữa cộng đồng với đất nước, giữ gìn và phát triển tiếng Việt trong cộng đồng là rất lớn và trở nên bức thiết song chưa được đáp ứng. Sự đóng góp của bà con vào công cuộc xây dựng đất nước, nhất là về trí thức, chưa tương xứng với tiềm năng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

2- Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách rộng mở và biện pháp cụ thể nhằm tạo điều kiện ngày càng thuận lợi hơn cho đông đảo về thăm đất nước, người thân, đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học - công nghệ, hoạt động văn hoá - nghệ thuật. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài đã được đổi mới và đạt được những kết quả đáng kể cả ở trong và ngoài nước. Công tác thông tin, văn hoá phục vụ cộng đồng từng bước được tăng cường, nhất là trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình và qua mạng Internet. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chính quyền địa phương và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đã có chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài chưa được quán triệt sâu sắc, thực hiện đầy đủ. Công tác nghiên cứu, tham mưu về chính sách chưa theo kịp những chuyển

biến mới. Công tác bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài chưa được quan tâm đúng mức. Các chính sách đã ban hành chưa đồng bộ và chưa thể hiện đầy đủ tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc; chưa khuyến khích mạnh mẽ người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, đóng góp cho công cuộc phát triển đất nước. Chưa có hình thức thoả đáng để cung cấp kịp thời và đầy đủ thông tin cho đồng bào về tình hình đất nước và chính sách của Đảng và Nhà nước. Hình thức vận động cộng đồng còn chưa thực sự đổi mới, đa dạng và linh hoạt để có thể quy tụ, động viên đồng bào bà con tham gia các hoạt động có ích cho cộng đồng và quê hương. Việc phát hiện, bồi dưỡng những nhân tố tích cực, việc khen thưởng, động viên những người có thành tích ít được chú trọng.

Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém trên là các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân chưa nhận thức thật sự đầy đủ và sâu sắc các quan điểm chỉ đạo của Đảng về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, nhiều cấp ủy đảng và lãnh đạo chính quyền các cấp chưa quan tâm đúng mức và chưa thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác này. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành liên quan, giữa Trung ương và địa phương, giữa trong và ngoài nước còn thiếu chặt chẽ, các cơ quan trực tiếp làm công tác về người Việt Nam ở nước ngoài chưa được kiện toàn đủ mạnh, kinh phí còn hạn chế.

II. CHỦ TRƯỞNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI TRONG THỜI GIAN TỚI

1- Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần thể hiện đầy đủ truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc. Cơ sở của sự đoàn kết là ý thức dân tộc và lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và mục tiêu chung của mọi người Việt Nam là giữ vững nền độc lập dân tộc, thống nhất của Tổ quốc, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử do quá khứ hay thành phần giai cấp; xây dựng tinh thần cởi mở, tôn trọng, thông cảm, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai. Mọi người Việt Nam, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội, lý do ra nước ngoài, mong muốn góp phần thực hiện mục tiêu trên đều được tập hợp trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2- Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Nhà nước có

trách nhiệm thoả thuận với các nước hữu quan về khuôn khổ pháp lý để đồng bào ổn định cuộc sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài theo luật pháp, công ước và thông lệ quốc tế.

Đảng và Nhà nước mong muốn, khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài hội nhập và thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp nước sở tại, chăm lo xây dựng cuộc sống, làm ăn thành đạt, nêu cao tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc Việt Nam, đoàn kết đùm bọc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, giữ mối quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước bà con sinh sống với nước nhà, tùy theo khả năng và điều kiện của mỗi người góp phần xây dựng quê hương đất nước, chủ động đấu tranh với các biểu hiện cố tình đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc.

3- Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần mang tính đồng bộ, kết hợp việc xây dựng cơ chế, chính sách với công tác vận động, kết hợp các hoạt động trong nước với các hoạt động ở nước ngoài và phải được tiến hành thông qua nhiều loại hình hoạt động và biện pháp phù hợp với các đối tượng và địa bàn khác nhau, trên cơ sở tự nguyện và không trái với pháp luật, phong tục, tập quán của nước sở tại.

4- Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn dân. Các tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, ở trong nước và ngoài nước và toàn dân ta cần coi đây là một nhiệm vụ quan trọng nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

III- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1- Nhà nước tạo mọi điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn sinh sống, hội nhập vào đời sống xã hội nước sở tại, đồng thời duy trì quan hệ gắn bó với quê hương, đất nước.

Thông qua các hoạt động ngoại giao tích cực vận động chính quyền nước sở tại tạo thuận lợi cho kiều bào có điều kiện làm ăn sinh sống bình thường; chủ động tiến hành đàm phán và ký kết các thoả thuận cần thiết với các nước, trong đó có các hiệp định lãnh sự, hiệp định tư pháp, bảo vệ lợi ích chính đáng của bà con, chống các biểu hiện kỳ thị, các hành động chống lại người Việt

Nam ở nước ngoài. Giải quyết nhanh chóng, thoả đáng yêu cầu của người Việt Nam ở nước ngoài liên quan đến vấn đề quốc tịch.

Tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở nước ngoài về thăm quê hương, thân nhân, thờ cúng tổ tiên. Cụ thể hoá và hoàn thiện hơn nữa các quy định về xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại ở trong nước của người Việt Nam ở nước ngoài theo hướng thông thoáng, thuận tiện và đơn giản thủ tục. Giải quyết thuận lợi, nhanh chóng thủ tục cho người Việt Nam ở nước ngoài hồi hương hoặc về làm ăn, sinh sống có thời hạn ở trong nước; tiếp tục giải quyết những vấn đề tồn tại về mua nhà ở trong nước, thừa kế, hôn nhân gia đình, nhận con nuôi... liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài. Dành cho người Việt Nam ở nước ngoài giá dịch vụ như công dân trong nước.

Có hình thức thích hợp tổ chức thu thập ý kiến của đồng bào ở nước ngoài trước khi ban hành các văn bản pháp quy, chính sách có liên quan nhiều tới người Việt Nam ở nước ngoài.

2- Hoàn chỉnh và xây dựng mới hệ thống chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, phát huy sự đóng góp của trí thức kiều bào vào công cuộc phát triển đất nước. Xây dựng chế độ đãi ngộ thoả đáng đối với những chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, có khả năng tư vấn về quản lý, điều hành, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cao cho đất nước, góp phần phát triển nền văn hoá, nghệ thuật của nước nhà.

Xây dựng và hoàn thiện các chính sách tạo thuận lợi và khuyến khích các ngành, các trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ, văn hoá nghệ thuật, giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục thể thao, các cơ sở sản xuất, dịch vụ... ở trong nước mở rộng hợp tác, thu hút, sử dụng chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia công việc ở trong nước, làm việc cho các chương trình, dự án hợp tác đa phương và song phương của Việt Nam với nước ngoài hoặc trong các tổ chức quốc tế có chỉ tiêu dành cho người Việt Nam và tư vấn trong các quan hệ giữa Việt Nam với đối tác nước ngoài.

Tranh thủ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài tiến hành hoạt động vận động, tư vấn về pháp lý trong quan hệ với nước bà con làm ăn sinh sống.

3- Hoàn chỉnh và xây dựng mới các chính sách thu hút người Việt Nam ở nước ngoài hoạt động đầu tư, kinh doanh ở trong nước. Coi trọng các hình thức

dầu tư, kinh doanh quy mô vừa và nhỏ do người Việt Nam ở nước ngoài trực tiếp thực hiện hoặc thông qua người thân trong nước thực hiện. Mở rộng và tạo thuận lợi hơn nữa chính sách kiều hối. Phát huy khả năng của người Việt Nam ở nước ngoài làm dịch vụ, thiết lập và mở rộng kênh tiêu thụ hàng hóa Việt Nam, các quan hệ hợp tác và đầu tư với các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến doanh nghiệp do người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào trong nước, nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của các doanh nghiệp, xử lý các vi phạm theo đúng pháp luật, góp phần tạo môi trường pháp lý ổn định, làm cho người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư, hợp tác với trong nước yên tâm, tin tưởng.

4- Đổi mới và đa dạng hóa các phương thức vận động, các hình thức tập hợp với mục đích đoàn kết người Việt Nam ở nước ngoài quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, khuyến khích những hoạt động hướng về Tổ quốc của bà con, nhất là của thế hệ trẻ trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với pháp luật và phong tục tập quán nước sở tại. Hỗ trợ các dự án của người Việt Nam ở nước ngoài nhằm mục tiêu trên. Chủ động mở rộng tiếp xúc với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, kể cả với những người còn có định kiến, mặc cảm với Nhà nước và chế độ ta.

5- Tích cực đầu tư cho chương trình dạy và học tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là cho thế hệ trẻ. Xây dựng và hoàn chỉnh sách giáo khoa tiếng Việt cho kiều bào, cải tiến các chương trình dạy tiếng Việt trên vô tuyến truyền hình, đài phát thanh và qua mạng Internet. Cử giáo viên dạy tiếng Việt tới những nơi có thể để giúp bà con học tiếng Việt. Tổ chức trại hè nói tiếng Việt cho thanh, thiếu niên người Việt Nam ở nước ngoài.

Tổ chức cho các đoàn nghệ thuật, nhất là các đoàn nghệ thuật dân tộc ra nước ngoài biểu diễn phục vụ cộng đồng. Tạo điều kiện cho các nghệ sĩ, vận động viên là người Việt Nam ở nước ngoài về nước biểu diễn, thi đấu, tham gia các đoàn Việt Nam đi biểu diễn và thi đấu quốc tế. Thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu văn hoá, văn học, nghệ thuật, triển lãm, hội thảo, du lịch về cội nguồn.

6- Đổi mới mạnh mẽ và toàn diện công tác thông tin, tuyên truyền, giúp cho người Việt Nam ở nước ngoài hiểu đúng tình hình đất nước và chính sách

của Đảng và Nhà nước. Đầu tư cho các chương trình dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của đài phát thanh, truyền hình và Internet; chú trọng đổi mới nội dung, hình thức và kỹ thuật của các chương trình này. Hỗ trợ việc ra báo viết, mở đài phát thanh, truyền hình ở ngoài nước. Xây dựng thư viện trên mạng Internet để phục vụ cho người Việt Nam sống xa Tổ quốc. Hỗ trợ kinh phí vận chuyển và đơn giản hoá thủ tục đối với việc gửi sách báo, văn hoá phẩm ra ngoài phục vụ cộng đồng.

7- Hoàn chỉnh chính sách khen thưởng đối với người Việt Nam ở nước ngoài, đưa vào nền nếp việc khen thưởng các tổ chức và cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích trong vận động xây dựng cộng đồng, đóng góp xây dựng đất nước, tổ chức và cá nhân trong nước có thành tích trong công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài. Giải quyết có tình, có lý và trên cơ sở đạo lý Việt Nam các vấn đề nhân đạo do lịch sử để lại nhằm thực hiện chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời có biện pháp phù hợp đấu tranh với những biểu hiện cố tình đi ngược lại lợi ích dân tộc, phá hoại quan hệ giữa các nước có đông người Việt Nam sinh sống với Việt Nam hoặc gây chia rẽ trong cộng đồng người Việt Nam ở nước sở tại.

8- Các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức và đoàn thể nhân dân theo chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tích cực vào công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài với các cơ quan hữu quan, với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, giữa trong nước với ngoài nước. Cùng cố và phát triển các tổ chức xã hội làm công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, như Hội liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài, các hội thân nhân kiều bào và các hình thức tập hợp chính đáng khác, phù hợp với ý nguyện và đặc điểm của cộng đồng ở địa bàn cư trú.

Các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài có trách nhiệm coi công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài là một nhiệm vụ chính trị quan trọng; đẩy mạnh công tác bảo hộ công dân và bảo vệ những quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài; tích cực, chủ động tăng cường tiếp xúc vận động, tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới bà con.

9- Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài cần được kiện toàn với cơ cấu tổ chức, biên chế và phương tiện hoạt động đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới.

Tăng cường cán bộ chuyên trách về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài tại cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở những nơi có đông người Việt Nam sinh sống. Một số bộ, ngành và một số tỉnh, thành phố có quan hệ nhiều với người Việt Nam ở nước ngoài cần có bộ phận giúp cơ quan lãnh đạo trong công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Bổ sung kinh phí cho công tác này.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao phối hợp với Ban cán sự đảng Ngoại nước và các ban, ngành liên quan, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức và đoàn thể nhân dân tổ chức phổ biến rộng rãi Nghị quyết này đến cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân trong nước và đến cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

2- Ban cán sự đảng Chính phủ cụ thể hoá nội dung Nghị quyết thành chương trình hành động, các cơ chế, chính sách, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện.

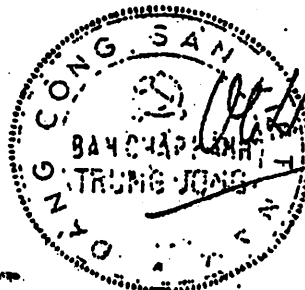
3- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ căn cứ vào nội dung Nghị quyết, xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy có liên quan đến người Việt Nam ở nước ngoài.

4- Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban Trung ương Đảng có kế hoạch thực hiện Nghị quyết. Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao chủ trì cùng Ban cán sự đảng Ngoại nước giúp Ban Bí thư và Bộ Chính trị theo dõi việc thực hiện Nghị quyết. Ban Bí thư tổ chức kiểm tra, định kỳ nghe báo cáo về tình hình và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

Nơi nhận :

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Phan Diễn

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2021

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT
KẾT LUẬN SỐ 12-KL/TW NGÀY 12/8/2021 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ
CÔNG TÁC NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới (Kết luận 12) để cán bộ, đảng viên, nhân dân và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN) nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng, vai trò của công tác NVNONN trong tình hình mới.

2. Tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong toàn bộ hệ thống chính trị, nhân dân trong nước và cộng đồng NVNONN để đưa Kết luận 12 đi vào cuộc sống, góp phần củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hiện thực hóa các mục tiêu và khát vọng phát triển đất nước.

3. Từng cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của mình để nắm vững mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp trong Kết luận nhằm triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả.

4. Đổi mới nội dung, phương thức quán triệt Kết luận. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên. Công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kết luận được tiến hành thường xuyên, định kỳ.

II. NỘI DUNG TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT

1. Tình hình cộng đồng NVNONN

Cộng đồng NVNONN ngày càng lớn mạnh về số lượng và mở rộng hơn về địa bàn. Từ 4,5 triệu người ở 109 quốc gia và vùng lãnh thổ năm 2015, đến nay có khoảng 5,3 triệu người sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ. Đại bộ phận đồng bào đã có địa vị pháp lý, ổn định cuộc sống và hội nhập sâu rộng vào xã hội sở tại. NVNONN ngày càng gắn bó với quê hương, các hội đoàn tiếp tục được củng cố và phát triển, góp phần tăng cường đoàn kết trong cộng đồng, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, là cầu nối hữu nghị giữa Việt Nam với các nước. Niềm tin của cộng đồng vào sự phát triển của đất nước ngày càng được củng cố và nâng cao. Những đóng góp của NVNONN trong đầu tư, thương mại, chuyển giao tri thức, công nghệ, kiều hối, từ thiện, nhân đạo... là nguồn lực quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, cuộc sống của một bộ phận bà con tại một số địa bàn còn khó khăn, địa vị pháp lý chưa vững chắc; tình trạng vi phạm pháp luật của người Việt Nam tại một số địa bàn có xu hướng tăng về số lượng cũng như tính chất nghiêm trọng; một bộ phận nhỏ kiều bào còn định kiến về một số vấn đề của đất nước, cá biệt một số người còn có những hành động không phù hợp với lợi ích quốc gia – dân tộc.

2. Các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị và một số chính sách, quy định pháp luật về công tác NVNONN

Công tác NVNONN luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc và chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Về tổ chức bộ máy, ngày 23/11/1959, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 416/TTg thành lập Ban Việt kiều Trung ương (tiền thân của Ủy ban Nhà nước về NVNONN). Đây là lần đầu tiên một tổ chức chuyên trách của Chính phủ được thành lập để vận động, hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi của bà con ta sinh sống ở nước ngoài, giúp Chính phủ theo dõi công tác về NVNONN. Để công tác NVNONN gắn chặt hơn với các hoạt động đối ngoại, ngày 6/11/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 77-CP đặt Ủy ban về NVNONN trực thuộc Bộ Ngoại giao.

2.1. Về hệ thống các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị trong công tác NVNONN, trước Kết luận 12, Bộ Chính trị đã ban hành các Nghị quyết/Chỉ thị sau:

- *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 29/11/1993 của Bộ Chính trị về chính sách và công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài (Nghị quyết 08)*: Đây là Nghị quyết đầu tiên của Bộ Chính trị trong lĩnh vực này, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức trong toàn Đảng, các cấp, các ngành và địa phương về công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Những quan điểm cơ bản của Nghị quyết khẳng định:

+ NVNONN là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam.

+ Chính sách đại đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc Việt Nam. Cơ sở của sự đoàn kết, hòa hợp là ý thức dân tộc và lòng yêu nước của mọi người Việt Nam hướng vào mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

+ Tiềm lực của cộng đồng NVNONN... là một lợi thế và một nguồn lực quan trọng cần phải phát huy và hỗ trợ cho sự phát triển của đất nước.

+ Công tác vận động NVNONN vừa thuộc chức năng quản lý nhà nước vừa là hoạt động mang tính quần chúng, không tách rời công tác vận động thân nhân của họ ở trong nước.

- *Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài (Nghị quyết 36)*: Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 08, tình hình cộng đồng NVNONN đã có nhiều thay đổi mạnh mẽ theo

hướng ngày càng gắn bó với quê hương, đất nước. Công tác NVNONN đã có nhiều chuyển biến tích cực với nhiều chính sách được ban hành và thực hiện nhằm tạo thuận lợi và bảo đảm lợi ích chính đáng của kiều bào. Trên cơ sở tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 08, đồng thời nhằm tạo bước chuyển mạnh mẽ hơn nữa trong công tác NVNONN, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 36. Đây là Nghị quyết công khai đầu tiên của Đảng về công tác này, có tầm quan trọng đặc biệt và ý nghĩa chiến lược lâu dài, nêu bật tư duy đổi mới về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Nghị quyết được phổ biến rộng rãi, là kim chỉ nam cho hoạt động của Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành, địa phương, đồng bào ở trong và ngoài nước về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới. Quan điểm chỉ đạo chính của Nghị quyết gồm:

+ Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần thể hiện đầy đủ truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc.

+ Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước.

+ Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài cần mang tính đồng bộ, kết hợp việc xây dựng cơ chế, chính sách với công tác vận động, kết hợp các hoạt động trong nước với các hoạt động ở nước ngoài.

+ Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn dân.

Đến nay, những quan điểm chỉ đạo trên của Nghị quyết 36 vẫn còn nguyên giá trị và phù hợp để triển khai những nhiệm vụ về công tác NVNONN được Đại hội Đảng XIII đề ra.

- *Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với NVNONN trong tình hình mới (Chỉ thị 45):* Sau 10 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết 36 đã tạo bước chuyển mạnh mẽ cả về tư duy và hành động của cả hệ thống chính trị. Mặc dù những thành tựu đạt được là rất quan trọng, nhưng quá trình triển khai Nghị quyết 36 cũng bộc lộ một số hạn chế, vướng mắc. Nếu không kịp thời có biện pháp thống nhất, thích hợp để giải quyết dứt điểm, công tác NVNONN sẽ khó tạo được đột phá, không đạt được những kết quả đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, cũng như kỳ vọng của nhân dân trong nước và đồng bào ta ở nước ngoài. Do vậy, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị 45 nhằm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 36 với một số điểm đáng chú ý sau:

+ Về công tác đại đoàn kết, bổ sung quan điểm: “Đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung”, “chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc”, đồng thời nhấn mạnh “Tiếp tục quan tâm, sớm có giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trên tinh

thân cởi mở, chân thành, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai. Kiên trì vận động, thuyết phục những người còn giữ định kiến, mặc cảm.”

+ Bên cạnh đó, Chỉ thị 45 nhấn mạnh việc tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong vấn đề thể chế hóa các chủ trương, phương hướng và nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết 36 (sớm cấp lại quốc tịch cho những người có đủ điều kiện; tạo thuận lợi hơn nữa trong việc sở hữu nhà ở tại Việt Nam...), dạy và học tiếng Việt (sớm triển khai chương trình dạy tiếng Việt qua mạng phù hợp với từng địa bàn), thông tin đối ngoại (tranh thủ, phát huy các phương tiện truyền thông của cộng đồng; thông qua NVNONN, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền và vận động bạn bè quốc tế), hỗ trợ hội đoàn (nghiên cứu xây dựng chính sách, hỗ trợ các tổ chức hội đoàn, lực lượng nòng cốt trong cộng đồng; nghiên cứu thí điểm công nhận các chi hội NVNONN là thành viên của Mặt trận Tổ quốc VN, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị VN, Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Hội Liên hiệp Thanh niên VN...).

2.2. Về một số chính sách, quy định pháp luật liên quan tới NVNONN

Kể từ năm 2004, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết, Chỉ thị liên quan tới công tác NVNONN, trong đó gần đây nhất là Nghị quyết số 27/NQ-CP của Chính phủ ngày 05/4/2016 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2016 – 2020 (Nghị quyết 27). Nghị quyết 27 đã đề cập 09 nhiệm vụ và giải pháp nhằm cụ thể hóa những nội dung trong Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45. Bên cạnh đó, nhiều quy định pháp luật liên quan tới NVNONN trong các lĩnh vực cụ thể đã được ban hành.

- *Trong lĩnh vực quốc tịch*: Luật Quốc tịch Việt Nam sửa đổi 2014¹, Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật quốc tịch VN².

- *Trong lĩnh vực thu hút chuyên gia trí thức, kiều bào*: Luật số 29/2013/QH13 về Khoa học và Công nghệ³, Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-

¹ Điểm mới quan trọng của Luật là hủy bỏ quy định về thủ tục, thời hạn đăng ký giữ quốc tịch VN, theo đó NVNONN sẽ không mặc nhiên bị mất quốc tịch VN (QTVN) nếu không thực hiện việc đăng ký giữ quốc tịch, đồng thời quy định rõ NVNONN chưa mất QTVN mà không còn giấy tờ chứng minh quốc tịch có thể được xác định quốc tịch và cấp hộ chiếu nếu có nguyện vọng và đủ điều kiện. Như vậy, NVNONN nếu chưa mất quốc tịch VN thì có thể làm thủ tục để được cấp hộ chiếu VN trong khi vẫn giữ quốc tịch nước ngoài.

² Luật quốc tịch VN năm 2008 quy định “Người xin nhập, trở lại quốc tịch VN phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người thỏa mãn các điều kiện sau đây, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép”. Nghị định 16 hướng dẫn đầy đủ và chi tiết về tiêu chí “trong trường hợp đặc biệt”.

³ “Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam; được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ như các nhà khoa học, trí thức Việt Nam” và được hưởng ưu đãi: các ưu đãi theo quy định của luật này.” (Điều 24)

CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam⁴.

- Trong lĩnh vực sở hữu nhà ở, đất ở tại VN: Luật 34/2009/QH12 năm 2009 (Luật sửa đổi Điều 126 của Luật nhà ở và Điều 121 của Luật đất đai năm 2009)⁵, Luật đất đai 2013⁶, Luật nhà ở sửa đổi 2014⁷, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh: Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) và Luật Đầu tư (sửa đổi) năm 2014⁸.

- Trong lĩnh vực cư trú, di lại: Luật xuất nhập cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam 2019, Nghị định 82/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/9/2015 về miễn thị thực cho người VN định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người VN định cư ở nước ngoài hoặc của công dân VN⁹, Thông tư số 35/2014/TT-BCA của Bộ Công an về vấn đề hồi hương về VN¹⁰.

3. Kết quả triển khai công tác NVNONN sau hơn 16 năm thực hiện Nghị quyết 36 và 05 năm thực hiện Chỉ thị 45

3.1. Về công tác tham mưu, kiến nghị, xây dựng chính sách liên quan đến NVNONN:

Công tác trên được triển khai tương đối toàn diện. Nhiều chính sách, quy định pháp luật trong các lĩnh vực: quốc tịch, sở hữu nhà ở, xuất nhập cảnh, thu hút, trọng dụng cá nhân là NVNONN hoạt động khoa học công nghệ... đã được ban hành. Đến nay, đã hình thành hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến NVNONN tương đối đầy đủ. Các chính sách ngày càng tạo điều kiện thuận lợi

⁴ Nghị định bổ sung một số điểm cụ thể hóa, tạo thuận lợi hơn cho các nhà khoa học NVNONN về chính sách lương, tiếp cận thông tin, kinh phí hoạt động khoa học, quyền tham gia các chương trình, đề án đẩy mạnh hợp tác, thu hút NVNONN và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại VN

⁵ Mở rộng quyền sở hữu nhà, sử dụng đất cho người VN định cư ở nước ngoài; trong đó quy định người có quốc tịch VN được sở hữu nhà không hạn chế số lượng, được nhận quyền sử dụng đất ở không hạn chế số lượng trong dự án phát triển nhà ở (người gốc VN thuộc diện nhà đầu tư, nhà văn hóa – khoa học, người có công, người có kỹ năng đặc biệt, người kết hôn với công dân VN ở trong nước có quyền tương tự); người gốc VN không thuộc diện trên chỉ được sở hữu 1 nhà ở hoặc 1 căn hộ. Tất cả các đối tượng trên đều phải được phép cư trú ở VN từ 3 tháng trở lên.

⁶ Quy định người VN ở nước ngoài mà thuộc diện được sở hữu nhà ở tại VN thì sẽ được nhận chuyển quyền sử dụng đất ở thông qua việc mua, thuê mua, nhận thừa kế, nhận tặng cho nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở.

⁷ Nới rộng điều kiện cho thuê mua nhà đối với cá nhân là người VN định cư ở nước ngoài và tổ chức, cá nhân người nước ngoài. Theo đó, đối với người VN định cư ở nước ngoài được phép nhập cảnh vào Việt Nam là có quyền sở hữu nhà ở mà không bị hạn chế về số lượng và loại nhà ở được sở hữu.

⁸ Trong hai lĩnh vực này, hiện nay Luật không có quy định riêng biệt cho đối tượng doanh nghiệp/nhà đầu tư là NVNONN. Đối với doanh nghiệp/nhà đầu tư là NVNONN có quốc tịch VN thì áp dụng quy định như nhà đầu tư trong nước, còn doanh nghiệp/nhà đầu tư là NVNONN chỉ có quốc tịch nước ngoài thì áp dụng quy định như nhà đầu tư nước ngoài.

⁹ Thời hạn tạm trú của người nhập cảnh bằng giấy miễn thị thực tăng từ 90 ngày lên 6 tháng. Các trường hợp có nhu cầu ở VN trên 6 tháng nếu đủ điều kiện sẽ được xem xét, gia hạn tạm trú.

¹⁰ NVNONN muốn về thường trú ở VN thì CQĐD cần làm thủ tục xác định quốc tịch VN và xác minh nhân thân của họ. Sau khi xác định được sự đủ điều kiện được cấp hộ chiếu phổ thông thì CQĐD cấp hộ chiếu để họ về VN làm thủ tục đăng ký thường trú trực tiếp với cơ quan chức năng trong nước (công an cấp tỉnh/thành phố trực thuộc TW).

cho NVNONN về nước làm việc, đầu tư, kinh doanh..., đồng thời tăng cường gắn kết kiều bào với quê hương.

3.2. Về công tác đại đoàn kết:

Công tác đại đoàn kết, vận động NVNONN hướng về quê hương đã đạt được những bước đột phá quan trọng. Trong các chuyến đi công tác nước ngoài hoặc trong những dịp kiều bào về nước, Lãnh đạo Đảng và Nhà nước đều rất quan tâm, dành thời gian gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của cộng đồng NVNONN. Kiều bào được tạo điều kiện tham gia đóng góp ý kiến vào những vấn đề quan trọng của đất nước (04 trí thức NVNONN tại Pháp, Nhật Bản, Mỹ, Singapore tham gia Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng¹¹, 17 kiều bào được bầu làm Ủy viên UBTW MTTQVN khóa IX nhiệm kỳ 2019 – 2024). Các hoạt động thường niên do Ủy ban Nhà nước về NVNONN tổ chức như “Xuân Quê hương”, Đoàn kiều bào dự Giỗ tổ Hùng Vương, thăm quân dân huyện đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1, Trại hè dành cho thanh niên, sinh viên kiều bào... thường xuyên được đổi mới về nội dung và hình thức, thu hút sự tham gia của đông đảo kiều bào. Với những nỗ lực trên, đồng bào ta ở nước ngoài ngày càng tin tưởng vào đường lối, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước. Nhiều kiều bào, kể cả những người trước đây từng có định kiến, đã có những bài viết và phát ngôn tích cực về tình hình đất nước, trực tiếp phản bác những luận điệu sai trái.

3.3. Về việc hỗ trợ NVNONN có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định cuộc sống ở sở tại:

Đây là vấn đề luôn được Lãnh đạo Đảng, Nhà nước quan tâm sâu sắc. Các cơ quan trong và ngoài nước cũng tích cực triển khai nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ NVNONN nâng cao địa vị pháp lý, ổn định cuộc sống và hội nhập vào xã hội sở tại.

Đặc biệt, khi đại dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới, mặc dù trong nước còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng và Nhà nước ta vẫn rất quan tâm đến đồng bào ta ở nước ngoài. Các cơ quan trong và ngoài nước đã phối hợp triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều biện pháp như tích cực vận động và phối hợp chặt chẽ với chính quyền sở tại hỗ trợ và tạo điều kiện để đồng bào ổn định cuộc sống; động viên kiều bào ta tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch của nước sở tại, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau; tổ chức các chuyến bay đưa công dân bị mắc kẹt về nước an toàn; phân bổ kinh phí hỗ trợ của Nhà nước dành cho những kiều bào có hoàn cảnh khó khăn tại một số địa bàn; huy động các doanh nghiệp, địa phương trong nước và hỗ trợ được gần 01 triệu khẩu trang cùng nhiều vật phẩm y tế và nhu yếu phẩm cho cộng đồng người Việt tại hơn 20 quốc gia và vùng lãnh thổ; kiến nghị tiêm vắc-xin cho kiều bào đang sinh sống hoặc tạm trú ở trong nước...

¹¹PGS., TS. Trần Ngọc Anh (Mỹ), GS., TS. Nguyễn Đức Khương (Pháp), PGS., TS. Vũ Minh Khương (Singapore), GS., TS. Trần Văn Thọ (Nhật Bản).

Các cơ quan trong và ngoài nước cũng chú trọng tăng cường hợp tác với cơ quan an ninh của nước bạn nhằm ngăn chặn tình trạng vi phạm luật pháp sở tại của NVNONN, đồng thời chú trọng công tác bảo hộ công dân, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

3.4. Về việc phát huy nguồn lực của NVNONN:

Công tác thu hút nguồn lực của NVNONN đóng góp cho sự phát triển của đất nước ngày càng được chú trọng. Các cơ quan trong và ngoài nước đã phối hợp tổ chức thành công nhiều hội thảo, hội nghị, diễn đàn doanh nghiệp, thành lập mạng lưới liên kết trí thức, doanh nhân NVNONN, thành lập các cơ chế để NVNONN tham gia đóng góp ý kiến vào những vấn đề lớn của đất nước; hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc cho kiều bào khi về nước đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học; triển khai huy động NVNONN tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài. Những nỗ lực trên đã khích lệ, động viên kiều bào có nhiều đóng góp thiết thực, hướng về quê hương.

Đến hết năm 2020, có 362 dự án đầu tư của kiều bào đang hoạt động tại Việt Nam với tổng vốn đăng ký 1,6 tỷ USD. Bên cạnh đó, có hàng nghìn doanh nghiệp có vốn góp của kiều bào. Tổng kiều hối từ 2015 - 2020 đạt 88,6 tỷ USD. Nhiều sáng kiến tập hợp, kết nối chuyên gia, trí thức người Việt tại các địa bàn đóng góp cho những vấn đề phát triển đất nước được đề xuất và triển khai như Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam... Nhiều tổ chức của các chuyên gia, trí thức NVNONN đã được thành lập tại Pháp, Thụy Sĩ, Nga, Nhật Bản, Singapore... như: Tổ chức Khoa học và Chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVSE Global), Hội Gặp gỡ VN, Nhóm sáng kiến Việt Nam, Nhóm hành trình VN, Viện hàn lâm trẻ VN, Mạng lưới học thuật người VN tại Nhật... Ngày càng có nhiều nhà khoa học, doanh nhân, các văn nghệ sỹ, vận động viên kiều bào về nước sinh sống, làm việc, đầu tư, kinh doanh, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao...¹² Kiều bào cũng tích cực đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết, quý báu vào các vấn đề cấp thiết trong quá trình phát triển đất nước như xây dựng Chính phủ kiến tạo, đô thị thông minh, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo... Cộng đồng có nhiều hoạt động thiết thực nhằm quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc ra thế giới, thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với các nước và tổ chức.

Khi dịch Covid-19 bùng phát, mặc dù đời sống gặp nhiều khó khăn, nhưng kiều bào luôn đồng lòng, chia sẻ với đồng bào trong nước. Đến nay, kiều bào đã quyên góp hơn 60 tỷ đồng cùng nhiều trang thiết bị, vật phẩm y tế ủng hộ cho Quỹ vắc-xin và công tác phòng chống dịch ở trong nước. Nhiều kiều bào đã hợp tác với trong nước để chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm phòng chống dịch, nghiên cứu và thử nghiệm vắc-xin, dành cơ sở vật chất của mình tại Việt Nam cho địa phương làm nơi cách ly tập trung người nhiễm bệnh. Kiều bào ở

¹² Hiện mỗi năm có khoảng 300-500 lượt trí thức NVNONN về nước công tác thường xuyên.

nhiều nước đã tích cực phối hợp với các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài (CQĐD) triển khai ngoại giao vắc-xin, vận động sở tại hỗ trợ vắc-xin, vật phẩm y tế cho Việt Nam.

3.5. Về việc giữ gìn tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc:

Các cơ quan trong và ngoài nước đã đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ cộng đồng duy trì tiếng Việt và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc như hỗ trợ sách giáo khoa, tài liệu dạy và học tiếng Việt, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên kiều bào, vận động chính quyền sở tại đưa tiếng Việt vào chương trình giảng dạy của các trường phổ thông, đại học, cử các đoàn văn nghệ trong nước đi biểu diễn phục vụ kiều bào...

Từ năm 2013 đến nay, đã tổ chức 06 khóa tập huấn, bồi dưỡng cho 200 giáo viên kiều bào để trở thành nòng cốt trong phong trào dạy và học tiếng Việt của cộng đồng ở sở tại; từ năm 2016 đến nay, đã hỗ trợ lương cho 32 giáo viên người Việt tại Campuchia với tổng số tiền gần 10 tỷ đồng; hỗ trợ 15 dự án xây dựng trường tại Lào và Campuchia với tổng số tiền hơn 3,3 tỷ đồng; tính đến cuối tháng 6/2020, hơn 70.000 bộ sách tiếng Việt và nhiều loại văn hóa phẩm khác đã được chuyển tới các nước để phục vụ công tác dạy và học tiếng Việt.

Kết quả là, việc dạy và học tiếng Việt ngày càng được cộng đồng quan tâm, có sức lan tỏa rộng rãi ở nhiều địa bàn. Các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc vẫn được bà con gìn giữ và truyền lại cho thế hệ sau, qua đó tăng cường sự gắn kết giữa nhiều thế hệ kiều bào với cội nguồn dân tộc.

3.6. Về công tác thông tin đối ngoại hướng tới NVNONN:

Công tác thông tin đối với NVNONN được xác định là một nội dung quan trọng trong Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020. Các chương trình truyền hình dành cho kiều bào có nội dung ngày càng phong phú, nhiều báo viết và báo điện tử tiếng Việt có chuyên trang, chuyên mục về các vấn đề liên quan đến NVNONN và những vấn đề bà con quan tâm như tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, chủ quyền biển đảo, nhân quyền, tự do tôn giáo, tín ngưỡng... Các cổng, trang điện tử của Đảng, Chính phủ, Quốc hội, nhiều tỉnh, thành phố cũng đã có những thay đổi mạnh mẽ về nội dung và hình thức, trở thành những kênh thông tin quan trọng để kiều bào tìm hiểu, nắm bắt các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với NVNONN, các hoạt động liên quan đến kiều bào cũng như tình hình đất nước. Các CQĐD thường xuyên cung cấp thông tin chính thống tới kiều bào qua website hoặc qua các bản tin định kỳ của CQĐD. Phương thức thông tin cho cộng đồng NVNONN được thực hiện đồng bộ, sâu rộng qua nhiều hình thức, nhiều loại ngôn ngữ, trong đó đã chú trọng việc phát triển nội dung trên nền tảng số để đồng bào ta trên toàn thế giới có thể dễ dàng tiếp cận mọi lúc, mọi nơi. Đáng chú ý, ngày càng nhiều phóng viên kiều bào về nước tác nghiệp, đưa tin, góp phần giúp cộng đồng nắm được những thông tin chính xác, khách quan về tình hình trong nước.

3.7. Về cơ chế phối hợp và tổ chức bộ máy làm công tác NVNONN:

Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong nước, giữa các cơ quan trong nước với các CQDD trong công tác NVNONN tiếp tục củng cố và hoàn thiện. Tổ chức bộ máy làm công tác này cũng được kiện toàn. Một số bộ và tỉnh, thành phố đã lập bộ phận giúp lãnh đạo hoặc cử cán bộ chuyên trách về công tác đối với NVNONN. Tất cả các CQDD đều có bộ phận công tác cộng đồng và cán bộ chuyên trách làm công tác cộng đồng (tại các địa bàn có đông kiều bào) hoặc cử cán bộ kiêm nhiệm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác NVNONN còn một số hạn chế:

- Có nơi, có lúc công tác NVNONN chưa được các cơ quan, tổ chức quan tâm đúng mức. Ở một vài nơi, nhận thức của cấp ủy, chính quyền về vai trò và nguồn lực của NVNONN chưa thực sự sâu sắc dẫn đến việc triển khai thực hiện một số chính sách, quy định pháp luật liên quan đến NVNONN chưa đồng bộ, thống nhất, gây khó khăn, vướng mắc cho kiều bào.
- Công tác nắm tình hình cộng đồng, tham mưu, kiến nghị và phối hợp triển khai chủ trương, chính sách chưa sâu sát, chặt chẽ và kịp thời.
- Chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của đồng bào ta ở nước ngoài. Việc thu hút hiện nay mới chỉ tập trung một phần nguồn lực kinh tế, chưa phát huy hiệu quả nguồn lực tri thức và vai trò của kiều bào trong việc nâng cao hình ảnh của Việt Nam ở sở tại, cũng như tăng cường quan hệ giữa Việt Nam với các nước.

4. Sự cần thiết ban hành Kết luận 12

Những biến chuyển của bối cảnh quốc tế, tình hình trong nước và tình hình cộng đồng NVNONN đòi hỏi phải điều chỉnh một số nhiệm vụ và giải pháp trong công tác NVNONN để phù hợp hơn với thực tiễn.

Sự phát triển của nền kinh tế tri thức và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ứng dụng rộng rãi của công nghệ thông tin vào tất cả các mặt của đời sống đặt ra yêu cầu đổi mới và đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ, vận động, thu hút nguồn lực của NVNONN. Ở trong nước, 05 năm tới là giai đoạn then chốt trong việc thực hiện các mục tiêu do Đại hội XIII của Đảng đề ra. Trong bối cảnh đó, cần huy động mọi nguồn lực, trong đó có nguồn lực của NVNONN nhằm hiện thực hóa khát vọng và tầm nhìn phát triển đất nước. Nghị quyết Đại hội Đảng XIII nhấn mạnh việc “phát triển mạng lưới kết nối nhân tài người VN, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học NVNONN”, “xây dựng, triển khai các chương trình cụ thể để thu hút và phát huy có hiệu quả các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người nước ngoài và NVNONN”.

Trong khi đó, cộng đồng NVNONN ngày càng lớn mạnh về số lượng và mở rộng hơn về địa bàn. Đại bộ phận đồng bào đã có địa vị pháp lý và cuộc sống ổn định, hội nhập sâu rộng vào xã hội sở tại. Đồng bào luôn hướng về quê

hương, là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nguồn lực quan trọng đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, cộng đồng đang phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức. Điều này đòi hỏi tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác NVNONN để hỗ trợ xây dựng cộng đồng đoàn kết, phát triển, hội nhập ở sở tại và luôn hướng về quê hương.

Trước bối cảnh, yêu cầu, nhiệm vụ nêu trên, nhằm phát huy những kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế, ngày 12/8/2021, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận 12.

5. Ý nghĩa của việc ban hành Kết luận

Việc Bộ Chính trị ban hành Kết luận 12 có nhiều ý nghĩa quan trọng.

- *Tiếp tục khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán và đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về củng cố vững chắc đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó cộng đồng NVNONN là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam; tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân ở trong nước cũng như kiều bào ta ở nước ngoài nhằm phát huy mạnh mẽ sức mạnh toàn dân tộc cho phát triển đất nước.*

- *Góp phần thúc đẩy thực hiện công tác NVNONN toàn diện và mạnh mẽ hơn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45 của Bộ Chính trị, trong đó tập trung hỗ trợ NVNONN có địa vị pháp lý vững chắc, phát triển và hội nhập xã hội sở tại, giúp kiều bào tiếp tục nâng cao tự hào, tự tôn dân tộc và hướng về cội nguồn, đồng thời có chính sách phù hợp để đồng bào đóng góp hiệu quả vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.*

- *Tiếp tục thể hiện rõ tình cảm và trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong việc chăm lo cho cộng đồng NVNONN; đáp ứng nguyện vọng chính đáng của đồng bào, từ đó động viên, khích lệ đồng bào ta tiếp tục nỗ lực vươn lên, khơi dậy tiềm năng, phát huy nguồn lực to lớn và tinh thần yêu nước hướng về quê hương.*

6. Một số điểm mới/đáng chú ý trong Kết luận 12

Về quan điểm chỉ đạo, Bộ Chính trị yêu cầu tiếp tục thực hiện tốt và hiệu quả hơn Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45 về công tác đối với NVNONN, đồng thời nhấn mạnh: việc thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp trong tình hình mới phải thể hiện rõ hơn tình cảm và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước trong việc chăm lo cho cộng đồng NVNONN, đồng thời tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện để đồng bào hướng về quê hương.

Trên cơ sở đó, Kết luận 12 của Bộ Chính trị đề ra 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó, có một số điểm mới/đáng chú ý như sau:

- *Về công tác đại đoàn kết:*

+ Bên cạnh khẳng định việc tiếp tục nâng cao nhận thức, Kết luận nhấn mạnh hơn ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc đối với NVNONN.

+ Nhấn mạnh việc vận động hướng tới đối tượng kiều bào trẻ, đồng thời tiếp tục coi trọng, quan tâm hỗ trợ và phát huy vai trò của các lực lượng nòng cốt, những người có uy tín, ảnh hưởng trong cộng đồng.

+ Đối với những kiều bào còn định kiến, trên cơ sở kế thừa những quan điểm nêu trong Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45, Kết luận 12 nhấn mạnh việc kiên trì vận động để giúp kiều bào củng cố niềm tin, nhận thức và hành động phù hợp với lợi ích quốc gia – dân tộc.

- *Về việc hỗ trợ NVNONN có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định cuộc sống ở sở tại:*

+ Yêu cầu triển khai các biện pháp tổng thể chăm lo, hỗ trợ đồng bào ta, nhất là ở những địa bàn khó khăn. Điều này thể hiện rõ hơn tình cảm và trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong việc chăm lo cho cộng đồng NVNONN.

+ Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác bảo hộ công dân, quản lý lao động, du học sinh...; xử lý triệt để, đẩy lùi tình trạng người Việt Nam vi phạm pháp luật sở tại.

- *Về việc phát huy nguồn lực của NVNONN:*

Khuyến khích và tạo điều kiện để đồng bào Việt Nam ở nước ngoài đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những giải pháp trọng tâm được đưa ra gồm: tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành chính và triển khai đồng bộ các chính sách liên quan đến NVNONN về nước làm việc, thương trú, đầu tư, sản xuất, kinh doanh... Giải quyết nhu cầu chính đáng của kiều bào ta liên quan đến quốc tịch phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật và tinh thần của Nghị quyết 36. Hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý, phản hồi, vận dụng và phát huy hiệu quả các sáng kiến, ý kiến đóng góp của trí thức, chuyên gia và doanh nhân Việt Nam ở nước ngoài.

- *Về việc giữ gìn tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc:*

Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm: hợp tác với nước sở tại, đổi mới, nâng cao hiệu quả, phương thức tổ chức dạy và học tiếng Việt; thúc đẩy đưa tiếng Việt vào chương trình giảng dạy ở các cơ sở giáo dục tại các địa bàn có đông người Việt Nam sinh sống; nghiên cứu đầu tư, xây dựng trung tâm văn hóa của người Việt tại các địa bàn này; nghiên cứu lựa chọn Ngày Tôn vinh tiếng Việt hằng năm.

- *Về công tác thông tin đối ngoại hướng tới NVNONN:*

Nhấn mạnh việc đổi mới nội dung, phương thức và tư duy về công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại. Những nhiệm vụ trọng tâm gồm: kịp thời thông tin về tình hình đất nước và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

đến cộng đồng NVNONN; phát huy hiệu quả các phương tiện truyền thông đa dạng của cộng đồng; hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp, phản ứng nhanh, kịp thời phản bác những luận điệu sai trái, không đúng sự thật về tình hình đất nước.

- *Về cơ chế phối hợp và tổ chức bộ máy làm công tác NVNONN:*

Một số nhiệm vụ trọng tâm gồm: hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng tham gia công tác NVNONN; kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác NVNONN; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác NVNONN, trong đó chú trọng các bộ phận làm việc trực tiếp ở nước sở tại theo hướng sâu sát, thực chất, hiệu quả, kịp thời đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cộng đồng NVNONN. Ngăn chặn và phòng ngừa việc lợi dụng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với công tác NVNONN để trục lợi, chống phá đất nước, ảnh hưởng đến uy tín và lợi ích quốc gia – dân tộc./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2021

Số 01 -KH/BCSD-UBNV

KẾ HOẠCH

quán triệt, tuyên truyền và triển khai Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới

Nhằm triển khai thực hiện Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài (NVNONN) trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là *Kết luận 12*), Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao ban hành Kế hoạch quán triệt, tuyên truyền và triển khai Kết luận 12 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức quán triệt và tuyên truyền sâu rộng Kết luận 12 với những nội dung phong phú, hình thức đa dạng, linh hoạt, sáng tạo để các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, nhân dân và cộng đồng NVNONN nắm vững nội dung cơ bản, cốt lõi, những điểm mới của Kết luận 12.

- Tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của toàn hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân và kiều bào ta ở nước ngoài, tập trung hướng tới thế hệ trẻ, người có uy tín, nòng cốt trong cộng đồng và đồng bào còn có định kiến, từ đó nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng, vai trò của công tác NVNONN và nắm vững chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện hiệu quả công tác NVNONN trong tình hình mới.

- Quán triệt, tuyên truyền khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về củng cố vững chắc đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó cộng đồng NVNONN là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đảm bảo công tác NVNONN được tiếp tục triển khai toàn diện và mạnh mẽ theo yêu cầu của Nghị quyết Đại hội XIII; qua đó tiếp tục khuyến khích đồng bào ta ở nước ngoài hướng về quê hương, đất nước, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

2. Yêu cầu

- Việc quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Kết luận 12 phải được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc, thực chất, chất lượng; gắn học tập, truyền đạt nội dung của Kết luận với việc uốn nắn những nhận thức lệch lạc, phản bác các quan điểm sai trái.

- Đổi mới tư duy về công tác thông tin tuyên truyền, chú trọng các hình thức truyền thông mới, phát huy hiệu quả các phương tiện báo chí truyền thông của kiều bào, chú trọng các phương thức truyền thông phù hợp với hệ trẻ kiều bào, xây dựng thông điệp, nội dung tuyên truyền cụ thể trong từng giai đoạn.

- Kết hợp tuyên truyền trong nước và tuyên truyền ở nước ngoài; gắn công tác tuyên truyền với công tác quán triệt Kết luận 12 nhằm thu hút sự quan tâm và nâng cao nhận thức của các ban, bộ, ngành, đoàn thể và xã hội về công tác NVNONN.

II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, TÀI LIỆU

1. Nội dung quán triệt, tuyên truyền

- Nêu bật sự cần thiết, ý nghĩa của việc ban hành Kết luận 12: (i) Cộng đồng NVNONN ngày càng phát triển, có nhiều đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc, nhưng cuộc sống của bà con ta cũng gặp nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh đó, Kết luận 12 thể hiện tình cảm và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước đối với NVNONN; (ii) Nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, trong đó có yêu cầu triển khai toàn diện mạnh mẽ hơn công tác NVNONN; (iii) Thời gian qua, công tác NVNONN đạt nhiều kết quả quan trọng, nhưng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Kết luận 12 kế thừa những chủ trương đường lối của Nghị quyết 36 và Chỉ thị 45, phát huy những kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những mặt còn tồn tại, hạn chế, nhằm nâng cao hiệu quả công tác NVNONN, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Tập trung vào những nội dung cốt lõi, những vấn đề mới của Kết luận 12 với những nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ, toàn diện về công tác NVNONN: (i) Công tác đại đoàn kết toàn dân tộc; (ii) Hỗ trợ NVNONN có địa vị pháp lý vững chắc, ổn định cuộc sống ở sở tại; (iii) Phát huy nguồn lực NVNONN đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; (iv) Giữ gìn tiếng Việt, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; (v) Công tác thông tin đối ngoại với NVNONN; (vi) Cơ chế phối hợp và tổ chức bộ máy làm công tác NVNONN.

- Những nội dung, thông tin nổi bật về kết quả công tác tổ chức triển khai, đưa các nội dung của Kết luận 12 vào thực tế cuộc sống, giúp nâng tầm công tác NVNONN, không những mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng NVNONN mà còn phát huy nguồn lực của NVNONN phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

2. Đối tượng quán triệt, tuyên truyền

Các cấp ủy đảng, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức hội đoàn NVNONN; toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức Bộ Ngoại giao ở trong và ngoài nước có trách nhiệm quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận 12; từ đó tuyên truyền, phổ biến Kết luận 12 đến các tầng lớp nhân dân trong nước và cộng đồng NVNONN, chú trọng những người có

uy tín, ảnh hưởng trong cộng đồng và thế hệ trẻ kiều bào.

3. Tài liệu học tập, quán triệt, tuyên truyền

- Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ chính trị về công tác NVNONN trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị về công tác đối với NVNONN.

- Chỉ thị 45-CT/TW, ngày 19/5/2015 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về công tác đối với NVNONN.

- Tài liệu tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận 12.

III. TỔ CHỨC QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN

1. Tổ chức Hội nghị phổ biến, quán triệt

1.1. Hội nghị cán bộ chủ chốt các cấp ủy trực thuộc, CQDD

Ban cán sự đảng phối hợp với Đảng ủy Bộ tổ chức Hội nghị phổ biến, quán triệt Kết luận 12 cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của các cấp ủy trực thuộc, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cụ thể:

- *Thành phần:* Các đồng chí Ủy viên Ban cán sự đảng, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ; Ủy viên BCH các cấp ủy trực thuộc, thủ trưởng các đơn vị trong Bộ, trưởng cơ quan đại diện, cán bộ, đảng viên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, đại diện lãnh đạo chủ chốt các tổ chức hội đoàn người Việt Nam ở ngoài nước, lãnh đạo từ tập sự cấp vụ và tương đương trở lên, trưởng, phó các đoàn thể.

- *Hình thức tổ chức:* Tổ chức bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến

- *Thời gian:* 1/2 ngày, hoàn thành trước tháng 12/2021.

- *Báo cáo viên:* Do Ban cán sự đảng, Đảng ủy Bộ phân công.

1.2. Hội nghị cho các Sở Ngoại vụ, Hội Liên lạc với NVNONN và các hội thân nhân kiều bào

Giao Ủy ban Nhà nước về NVNONN phối hợp với Cục Ngoại vụ tham mưu tổ chức, cụ thể:

- *Thành phần:* Các Sở Ngoại vụ, Hội Liên lạc với NVNONN và các hội thân nhân kiều bào.

- *Hình thức tổ chức:* Tổ chức Hội nghị trực tuyến

- *Thời gian:* 1/2 ngày, hoàn thành trong tháng 12/2021.

- *Báo cáo viên:* Do Ban cán sự đảng phân công.

2. Tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và cộng đồng

- Đảng ủy Bộ, các cấp ủy trực thuộc và các hội, đoàn thể chỉ đạo đẩy

manh tuyên truyền, phổ biến những nội dung mới, cốt lõi trong Kết luận 12 đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và cộng đồng NVNONN bằng hình thức phù hợp.

- Các báo, tạp chí của Bộ, của các hội, đoàn thể ở trong và ngoài nước chủ động xây dựng kế hoạch, có chuyên trang, chuyên mục phổ biến, tuyên truyền sâu rộng Kết luận 12; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, cộng đồng NVNONN và hoạt động thông tin đối ngoại về những nội dung cơ bản của Kết luận 12.

3. Kế hoạch tuyên truyền cụ thể và phân công (kèm theo).

IV. XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾT LUẬN 12.

- Tham mưu xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ về công tác NVNONN giai đoạn 2021-2026, trong đó có các nhiệm vụ cụ thể giao cho các bộ, ngành và địa phương.

- Xây dựng Chương trình hành động của Bộ Ngoại giao về công tác NVNONN giai đoạn 2021 - 2026.

- Giao Ủy ban Nhà nước về NVNONN tham mưu cho Ban cán sự đảng Bộ cụ thể hóa Chương trình hành động của Chính phủ bằng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án cụ thể.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Bộ Ngoại giao:

(i) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo công tác quán triệt, tuyên truyền, triển khai công tác thông tin đối ngoại kết hợp với đấu tranh dư luận trong công tác NVNONN.

(ii) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận 12.

(iii) Lồng ghép nội dung tuyên truyền về công tác NVNONN, quán triệt, triển khai Kết luận 12 vào nội dung các chuyến thăm nước ngoài của Lãnh đạo cấp cao và các cấp.

(iv) Phối hợp với Đảng ủy Bộ chỉ đạo các cấp ủy, CQĐD Việt Nam ở nước ngoài tổ chức quán triệt và tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên, cộng đồng NVNONN; cung cấp thông tin và vận động cơ quan báo chí kiểu bào đăng tải và đưa tin về các hoạt động phổ biến, quán triệt Kết luận 12. Đưa nội dung quán triệt, tuyên truyền và thực hiện Kết luận 12 thành nội dung yêu cầu các cấp ủy, CQĐD báo cáo hàng năm.

2. Giao Ủy ban Nhà nước về NVNONN:

(i) Phối hợp với Vụ Thông tin Báo chí và các cơ quan truyền thông trong nước và trong cộng đồng NVNONN, đa dạng hoá hình thức thông tin tuyên truyền (truyền hình, phát thanh, báo viết, báo mạng, mạng xã hội...) để tổ chức

thực hiện kế hoạch, tổ chức theo dõi, đánh giá dư luận báo chí và dư luận cộng đồng NVNONN.

(iii) Phối hợp với Văn phòng Đảng ủy - Đoàn thể tổ chức Hội nghị phổ biến, quán triệt Kết luận 12 tới các cấp ủy trực thuộc, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cán bộ chủ chốt các đơn vị trong Bộ, đại diện các tổ chức hội đoàn NVNONN.

(ii) Phối hợp với Cục Ngoại vụ tổ chức hội nghị trực tuyến quán triệt Kết luận 12 tới các cơ quan ngoại vụ các địa phương, Hội Liên lạc với NVNONN và các hội thân nhân kiều bào.

(iv) Phối hợp các cấp ủy, CQĐD Việt Nam ở nước ngoài đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Kết luận 12 trong cộng đồng NVNONN với nội dung và hình thức phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban cán sự đảng Chính phủ (để b/c),
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Ban Đối ngoại Trung ương,
- Đảng đoàn Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam,
- Đ/c Bí thư và các Ủy viên BCSD,
- Đ/c Bí thư và các Ủy viên BTV Đảng ủy,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Các cơ quan đại diện VN ở nước ngoài,
- Ngoại vụ các tỉnh, thành phố,
- Công đoàn Bộ, Đoàn TN Bộ,
- Lưu BCSD, UBNV.

T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG



Phạm Quang Hiệu

